TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 02 - 2025
"V/v *Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lời và ông Lương Công Hạnh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thuỳ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 457/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Bích Đ, sinh năm 1988; Địa chỉ thường trú: Số I C, Khu phố A, Phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Ngô Gia T, sinh năm 1988; Địa chỉ thường trú: Khu phố M, Thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên. Địa chỉ liên hệ: 216 N, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích Đ trình bày**: Chị Đ kết hôn với anh Ngô Gia T vào năm 2013 tại UBND Phường P. Thời gian chung sống ban đầu hạnh phúc tuy nhiên cũng xảy ra những mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, thường xuyên kình cãi lẫn nhau về tài chính gia đình, không quan tâm đến vợ con, thường xuyên nhậu nhẹt bạn bè, bỏ bê con cái. Đối với các con chung từ nhỏ đến giờ thì anh T cũng không chăm sóc, quan tâm đến việc học tập, sinh sống của tụi nhỏ. Chị Đ lo lắng mọi việc trong gia đình cũng như chăm sóc con chung. Trước giờ, khi vợ chồng kình cãi là anh T đều bỏ về nhà mẹ ruột của anh T, rất nhiều lần rồi. Về tài chính lo cho việc học của các con thì đến cuối tháng là phải nhắc mới chuyển tiền còn lại thì nếu không nhắc thì không

chuyển tiền. Từ tháng 7/2024 thì mâu thuẫn đỉnh điểm, kình cãi lẫn nhau vì tiền học của các cháu. Ngoài ra còn những chuyện khác dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn vợ chồng càng gay gắt, bản thân chị không nhận được sự tôn trọng của chồng, tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Ngô Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 31/3/2014 và cháu Ngô Gia H, sinh ngày 04/7/2016. Hiện nay hai cháu đều đang sống với mẹ. Khi ly hôn, chị Đ yêu cầu được nuôi các con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi các con chung mỗi tháng 7.000.000 đồng cho đến khi các con chung trưởng thành. Lý do đưa ra mức yêu cầu này vì từ đầu năm 2024 tới cuối tháng 6/2024 thì anh T đều gửi số tiền 7.000.000 đồng, từ tháng 7/2024 đến nay anh T không gửi tiền nuôi con. Nay chị vẫn yêu cầu anh T phải chu cấp nuôi con là 7.000.000 đồng cho hai cháu mỗi tháng. Chị Đ thu nhập khoảng trên 10.000.000 đồng mỗi tháng, đủ điều kiện nuôi con.

Anh T yêu cầu nuôi hai con chung thì chị không đồng ý vì anh T là bộ đội chuyên nghiệp nên nhiều khi phải trực đêm và công tác xa nên không đảm bảo việc nuôi con, chỉ thỉnh thoảng mới đưa đón các con đi học. Chị Đ thì buôn bán nên có nhiều thời gian chăm sóc con chung. Ngoài ra, từ trước đến nay anh T không quan tâm, lo lắng đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc cũng như việc học hành của các con. Anh T nói có mẹ ruột anh T trông giúp thì nay mẹ anh T cũng đã lớn tuổi nên cũng không thể chăm sóc các cháu tốt được. Do đó, chị Đ yêu cầu được nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

***Bị đơn anh Ngô Gia T trình bày:** Về địa chỉ nơi cư trú của anh T ở Khu phố M, Thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên. Nơi công tác của anh T tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh P tại địa chỉ B N, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Chị Đ gửi đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn tại Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà thì anh Đ cũng đồng ý yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà giải quyết ly hôn và các vấn đề về con chung, tài sản chung khi ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn thì thống nhất như cô Đ trình bày. Trong cuộc sống vợ chồng thì có nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, không còn được tôn trọng vì hay chê chồng lương thấp, so sánh chồng với người khác. Vợ chồng không còn chung sống với nhau vì không còn tình cảm vợ chồng. Nay cô Đ yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý ly hôn, yêu cầu Toà án giải quyết.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Ngô Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 31/3/2014 và cháu Ngô Gia H, sinh ngày 04/7/2016. Hiện nay hai cháu đều đang sống với mẹ. Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu cô Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có nghề nghiệp là bộ đội, công việc ổn định, có thu nhập hàng tháng khoảng 14.000.000 đồng. Khi các con chung về ở với anh tại khu phố M, Thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên thì còn có bà nội phụ chăm sóc, nuôi dưỡng. Còn cô Đ không có việc làm ổn định, thu nhập không ổn định, không có nhà ở ổn định sẽ ảnh hưởng đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Nguyện vọng của các con chung là cháu Ngô Nguyễn Quỳnh N và Ngô Gia H trình bày: Mẹ là người chăm sóc, nuôi dưỡng, cho các con đi học, mong muốn được ở với mẹ, muốn hai chị em ở chung với nhau. Con không chọn ở với ba vì ba không lo lắng cho tụi con, tụi con cũng có nói chuyện với ba nhưng ba không nói chuyện gì với tụi con. Tụi con cũng không kể chuyện gì ở lớp của tụi con cho ba nghe vì ba cũng chưa bao giờ hỏi tụi con cũng không quan tâm đến việc tụi con học hành như thế nào.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với bị đơn T, yêu cầu được nuôi 02 con chung là cháu Ngô Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 31/3/2014 và cháu Ngô Gia H, sinh ngày 04/7/2016, yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng mỗi tháng đến khi các con chung trưởng thành. Trường hợp phải giao con cho bị đơn thì chấp nhận cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng/2 con cho đến khi trưởng thành. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Ngô Gia T trình bày: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn, bị đơn chấp nhận ly hôn. Khi ly hôn, bị đơn yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp phải giao các con cho nguyên đơn thì bị đơn đồng ý, chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000 đồng/tháng/02 con cho đến khi trưởng thành. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; Về con chung: Giao các con chung Ngô Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 31/3/2014 và cháu Ngô Gia H, sinh ngày 04/7/2016 cho nguyên đơn nuôi dưỡng. Bị đơn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên đề nghị không xét; Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Nguyễn Thị Bích Đ yêu cầu giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con với bị đơn Ngô Gia T. Bị đơn T có địa chỉ thường trú tại khu phố M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên; địa chỉ làm việc tại số B N, Phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Nguyên đơn, bị đơn thống nhất chọn Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà giải quyết nên chấp nhận giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Nguyễn Thị Bích Đ và bị đơn Ngô Gia T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được UBND phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 12/4/2013, đảm bảo về điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Nguyên đơn trình bày vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn vì tính cách của hai bên không còn phù hợp, không có tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm, mục đích sống, nguyên đơn không nhận được sự tôn trọng, yêu thương từ bị đơn. Nay, nguyên đơn không còn tình cảm với bị đơn, yêu cầu ly hôn. Bị đơn Ngô Gia T trình bày cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, không còn được tôn trọng, vợ chồng không còn chung sống với nhau nên bị đơn đồng ý ly hôn, yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Xét hai bên đương sự xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên đơn và bị đơn không chung sống cùng nhau, không cùng nhau chia sẻ, gánh vác công việc gia đình, không cùng nhau chăm sóc con chung cho thấy không còn tình thương, sự tôn trọng, cảm thông của vợ chồng dành cho nhau, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Nguyên đơn yêu cầu ly hôn, bị đơn đồng ý ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[5] Con chung: Giữa nguyên đơn Nguyễn Thị Bích Đ và bị đơn Ngô Gia T có 02 con chung là cháu Ngô Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 31/3/2014 và cháu Ngô Gia H, sinh ngày 04/7/2016. Hiện nay, các cháu N và cháu H đang sống với mẹ. Xét, hiện nay các cháu N và cháu H đều đã trên 7 tuổi, đang học tập ở trưởng Tiểu học C ở thành phố T, đang học tập ổn định, đang ở với nguyên đơn và có nguyện vọng ở với mẹ. Cháu N và cháu H cũng có ý kiến là muốn được ở chung với nhau, không muốn xa rời nhau. Do đó, để các cháu phát triển ổn định về tinh thần và thể chất, có môi trường học tập ổn định, không bị xáo trộn làm ảnh hưởng đến cuộc sống của các cháu thì hội đồng xét xử xét giao các cháu Ngô Nguyễn Quỳnh N và Ngô Gia H cho nguyên đơn Nguyễn Thị Bích Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Bị đơn yêu cầu được nuôi các con chung, trình bày thu nhập hàng tháng khoảng 14.000.000 đồng, đủ khả năng nuôi các con chung, không yêu cầu nguyên đơn Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Xét bị đơn trình bày nghề nghiệp là bộ đội chuyên nghiệp, nơi cư trú là ở huyện T, tỉnh Phú Yên. Thời gian của bị đơn thường xuyên phải công tác xa nhà, phải trực ở cơ quan cách ngày trong tuần nên không thể đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng cũng như lo lắng việc học hành của các cháu được ổn định. Việc bị đơn trình bày khi vắng nhà thì có bà nội và cô ruột các cháu phụ giúp. Xét trách nhiệm nuôi con chung là của cha và mẹ, không thể phụ thuộc vào người thân trong gia đình nên bị đơn viện dẫn lý do trên là không phù hợp để chấp nhận. Do đó, không chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc nuôi các con chung.

[7] Cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên toà, nguyên đơn yêu cầu mức cấp dưỡng từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng/2 con chung. Bị đơn T trình bày nghề nghiệp là bộ đội chuyên nghiệp nên thu nhập hàng tháng khoảng 14.000.000 đồng. Bị

đơn cũng trình bày trong trường hợp nguyên đơn Đăng nuôi hai con chung thì vẫn đồng ý để mẹ nuôi, cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng mỗi cháu cho đến khi các cháu trưởng thành. Xét việc nuôi các con chung là trách nhiệm của cả cha và mẹ không ai được chối từ, người không nuôi con chung có trách nhiệm phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử căn cứ vào nhu cầu thực tế của các con chung cũng như quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/tháng/1 con chung, thời gian cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[9] Về án phí*:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84, 85, 107, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 2, Điều 7 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Bích Đ được ly hôn với bị đơn Ngô Gia T.

2. Về con chung: Giao các con chung Ngô Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 31/3/2014 và cháu Ngô Gia H, sinh ngày 04/7/2016 cho nguyên đơn Nguyễn Thị Bích Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bị đơn Ngô Gia T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng)* mỗi tháng cho 01 con chung, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi phát sinh một trong các điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình. Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp cần thiết, các bên đương sự có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí HNGĐ-ST: Nguyên đơn Nguyễn Thị Bích Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0005701 ngày 06/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Nguyên đơn Đ đã nộp đủ. Bị đơn Ngô Gia T phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND Tp. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;
- UBND P. Phú Lâm (số 25/2013);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Ngọc Uyên